TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/HN-ST
Ngày: 15-01-2018
V/v: "*Hôn nhân và gia đình*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – BẾN TRE

Với Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Đặng Thị Ngọc Duyên.
- Các *Hội thẩm nhân dân*:
    1. Ông Nguyễn Phương Tích
    2. Bà Trịnh Thị Hồng Thắm
- **Thư ký phiên Tòa**: Bà Giả Huệ Tiên – Thư ký Toà án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa**: Bà Nguyễn Kim Chúc – Kiểm sát viên.

Ngày 15/01/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 438/2017/TLST-HNGĐ ngày 09/10/2017 về việc: "*Hôn nhân và gia đình*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXXST-HN ngày 02/01/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1998; địa chỉ ấp T, xã T, huyện B, tỉnh B (có mặt).
- *Bị đơn*: Anh Lê Phúc V, sinh năm 1994; địa chỉ ấp A, xã A, huyện B, tỉnh B (vắng có đơn).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/8/2017, trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng N trình bày:

Chị và anh V tự nguyện kết hôn vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A (B – B) vào ngày 11/01/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại xã A. Trong thời gian chung sống, hai bên thường xuyên mâu thuẫn, cự cãi và đánh nhau. Nguyên nhân do anh V không tôn trọng, thường xuyên có lời lẽ, thái độ xúc phạm cha mẹ chị và không quan tâm đến chị. Mặc dù chị nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh V vẫn không sửa chữa. Thời gian đầu, do chị còn tình cảm với anh V nên cố gắng nhẫn nhịn. Nhưng càng về sau, anh V càng xem thường chị và gia đình chị, đánh chị ngày càng thường xuyên hơn nên hai bên đã sống ly thân từ tháng 8/2017 đến nay. Trong thời gian ly thân, hai bên đều không có thiện chí hàn gắn. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chị yêu cầu ly hôn với anh V. Con chung Lê Hồng N sinh ngày 13/7/2016 hiện sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung, tự nguyện không yêu cầu anh V cấp dưỡng. Tài sản chung, nợ chung không có.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 06/12/2017, bị đơn anh Lê Phúc V trình bày:

Anh đồng ý với trình bày của chị N về thời điểm kết hôn và thời điểm vợ chồng ly thân. Trong quá trình chung sống, anh nhận thấy hai bên chung sống bình thường. Anh không biết lý do vì sao chị N yêu cầu ly hôn. Về khả năng hàn gắn của hai bên, bản thân anh không biết, tùy chị N quyết định. Nay chị N yêu cầu ly hôn anh cũng đồng ý. Con chung Lê Hồng N sinh ngày 13/7/2016, anh đồng ý giao cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, anh sẽ cấp dưỡng nuôi con chung nếu chị N có yêu cầu. Tài sản chung không tranh chấp. Nợ chung không có.

Tại phiên tòa:

- Chị Nguyễn Thị Hồng N giữ nguyên trình bày, yêu cầu.
- Anh Lê Phúc V vắng mặt có đơn.

Quan điểm của Viện kiểm sát:

- Về thủ tục: Xét thấy trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật và chấp hành nghiêm nội quy phiên tòa. Bị đơn vắng nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Vụ án được đưa ra xét xử là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Chị N và anh V kết hôn vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A (B – B) vào ngày 11/01/2017 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Do phát sinh mâu thuẫn nên hai bên sống ly thân từ tháng 8/2017 đến nay. Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Anh V có ý kiến đồng ý ly hôn và giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Tài sản chung không tranh chấp, nợ chung không có. Do đó, áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N.

Từ các lời trình bày trên

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về thủ tục: Anh Lê Phúc V vắng tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Do chị N và anh V kết hôn vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A (Ba Tri – Bến Tre) vào ngày 11/01/2017 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, do bất đồng quan điểm giữa chị N và anh V; giữa anh V với gia đình chị N nên hai bên phát sinh mâu thuẫn, dẫn đến đời sống chung của vợ chồng không hạnh phúc và ly thân từ tháng 8/2017 đến nay. Trong thời gian ly thân, hai bên vẫn không thể hòa giải, không thể khắc phục những bất đồng nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và không còn khả năng hàn gắn. Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Xét yêu cầu trên là phù hợp với quy định tại các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận

[2] Về con chung: Lê Hồng N sinh ngày 13/7/2016 hiện sống chung với chị N.

Hội đồng xét xử xét thấy, tính đến thời điểm xét xử, con chung chưa đủ ba tuổi; từ khi ly thân đến nay, con chung vẫn do chị N trực tiếp nuôi dưỡng, cuộc sống đã ổn định nên việc giao con chung cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận chị N tự nguyện không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung

[3] Về tài sản chung: Do hai bên không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về nợ chung: không có.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị N phải nộp theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1/- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng N đối với anh Lê Phúc V.

2/- Con chung: Chị Nguyễn Thị Hồng N có quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Hồng N sinh ngày 13/7/2016. Ghi nhận chị N tự nguyện không yêu cầu anh Lê Phúc V cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lê Phúc V có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con chung, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

3/- Tài sản chung: Hiện hai bên không tranh chấp nên không xem xét.

4/- Nợ chung: Không có.

5/- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Buộc chị Nguyễn Thị Hồng N phải nộp án phí là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0012270 ngày 21/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri. Do đó, án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị N đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND huyện B;
- Phòng giám đốc kiểm tra;
- Các đương sự;
- Chi cục THA dân sự huyện B;
- UBND xã A (B – B)
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Đặng Thị Ngọc Duyên